TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HOÀ** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2025
"Về việc: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ - CAO BẰNG
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân gồm*: Ông Giáp Văn Cương và ông Lương Văn Phúc.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Lục Thu Hồng - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 07/10/2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị N – Sinh năm 2001;
Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.
- *Bị đơn*: Nông Văn T - Sinh năm 2001
Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện Q, Cao Bằng. Vắng mặt.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lê Thị N*: Ông Bế Văn B – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị N trình bày:*

Tôi kết hôn với anh Nông Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/9/2022.

Về quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ sau khi kết hôn cho đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T chơi cờ bạc và

nợ nần nhiều lần, tôi đã cho anh T cơ hội sửa sai nhưng anh T không thể khắc phục được. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi vã thường xuyên, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nông Hải A – Sinh ngày 09/3/2023. Hiện nay con đang ở với tôi và ông bà ngoại. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nông Văn T trình bày:*

Tôi với chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 27/9/2022.

Quá trình chung sống vợ chồng: Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và do bản thân tôi chơi bời. Quá trình mâu thuẫn có xảy ra cãi chửi nhau, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nông Hải A sinh năm 2023. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì tôi muốn được nuôi con và chị N phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

** Ý kiến của ông Bế Văn B - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lê Thị N trình bày*:

Về mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Do cháu Nông Hải A đang dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Nông Văn T. Về con chung: Giao cháu Nông Hải A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn Nông Văn T đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị N trình bày là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T chơi cờ bạc và nợ nần nhiều lần, chị N đã cho anh T cơ hội sửa sai nhưng anh T không thể khắc phục được. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn. Còn anh T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và do bản thân anh T chơi bời, chị N xin ly hôn thì anh T không đồng ý và hứa sẽ cố gắng thay đổi bản thân để chăm sóc cho vợ con. Tuy nhiên, chị N xác định trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải, chị N đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thực hiện được, vì vậy chị N yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị N và anh Nông Văn T xảy ra thường xuyên, liên tục, quá trình mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Do vậy, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Nông Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị Lê Thị N và anh Nông Văn T có 01 con chung là Nông Hải A sinh ngày 09/3/2023. Khi ly hôn cả chị N và anh T đều mong muốn được là người trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xét thấy cháu Nông Hải A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147; Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nông Hải A sinh ngày 09/3/2023 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0002404 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKS tỉnh;
-VKS huyện;
-CCTHA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thúy